

Điểm chuẩn trúng tuyển và điều kiện tiếng Anh theo các ngành và chương trình đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển			Điểm điều kiện tiếng Anh (PT Điểm thi THPT và Điểm xét TN)
			Phương thức điểm thi THPT 2022 (Thang điểm 30)	Phương thức điểm xét TN THPT 2022 (Thang điểm 10)	Phương thức điểm thi ĐGNL của ĐHQG-HCM 2022 (Thang điểm 1200)	
I	Chương trình tiên tiến – Chất lượng cao					
1	7340101 A	Quản trị kinh doanh (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	20.0	7.4	725	6.0
2	7340301 PHE	Kế toán (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	18.0	7.0	725	5.5
3	7480201 PHE	Công nghệ thông tin (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	19.0	7.0	725	5.5
4	7810201 PHE	Quản trị khách sạn (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	19.0	7.0	725	6.0
II	Chương trình chuẩn/đại trà					
5	7620304	Khai thác thủy sản (03 chuyên ngành: Khai thác thủy sản, Khai thác hàng hải thủy sản, Khoa học thủy sản)	15.5	5.7	600	
6	7620305	Quản lý thủy sản	16.0	6.0	650	
7	7620301	Nuôi trồng thủy sản (03 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản, Quản lý sức khỏe động vật	15.5	5.7	650	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển			Điểm điều kiện tiếng Anh (PT Điểm thi THPT và Điểm xét TN)
			Phương thức điểm thi THPT 2022 (Thang điểm 30)	Phương thức điểm xét TN THPT 2022 (Thang điểm 10)	Phương thức điểm thi ĐGNL của ĐHQG-HCM 2022 (Thang điểm 1200)	
		thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản; 01 Chương trình đào tạo Minh Phú - NTU)				
8	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (02 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ sau thu hoạch; 01 Chương trình đào tạo Minh Phú - NTU)	15.5	5.7	600	
9	7540101	Công nghệ thực phẩm (02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	16.0	6.0	650	4.0
10	7520301	Kỹ thuật hoá học	15.5	5.7	600	
11	7420201	Công nghệ sinh học	15.5	5.7	600	
12	7520320	Kỹ thuật môi trường (02 chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường, Quản lý môi trường và an toàn lao động)	15.5	5.7	600	
13	7520103	Kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí, Thiết kế và chế tạo số)	15.5	5.7	650	
14	7510202	Công nghệ chế tạo máy	15.5	5.7	600	
15	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	15.5	5.7	600	
16	7520115	Kỹ thuật nhiệt (03 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh, Máy	15.5	5.7	600	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển			Điểm điều kiện tiếng Anh (PT Điểm thi THPT và Điểm xét TN)
			Phương thức điểm thi THPT 2022 (Thang điểm 30)	Phương thức điểm xét TN THPT 2022 (Thang điểm 10)	Phương thức điểm thi ĐGNL của ĐHQG-HCM 2022 (Thang điểm 1200)	
		<i>lạnh, điều hòa không khí và thông gió, Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)</i>				
17	7840106	Khoa học hàng hải (02 chuyên ngành: Khoa học hàng hải, Quản lý hàng hải và Logistics)	17.0	6.3	650	
18	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	15.5	5.7	600	
19	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	16.0	6.0	600	
20	7520130	Kỹ thuật ô tô	18.0	6.6	700	4.0
21	7520201	Kỹ thuật điện (02 chuyên ngành: Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)	15.5	5.7	650	
22	7580201	Kỹ thuật xây dựng (03 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	15.5	5.7	650	
23	7480201	Công nghệ thông tin (04 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Truyền thông và Mạng máy tính, Tin học ứng dụng trong nông nghiệp và y dược)	18.0	6.6	725	4.5
24	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	17.0	6.3	650	4.5

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển			Điểm điều kiện tiếng Anh (PT Điểm thi THPT và Điểm xét TN)
			Phương thức điểm thi THPT 2022 (Thang điểm 30)	Phương thức điểm xét TN THPT 2022 (Thang điểm 10)	Phương thức điểm thi ĐGNL của ĐHQG-HCM 2022 (Thang điểm 1200)	
25	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	16.0	6.0	650	
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	18.0	6.6	700	5.0
27	7810201	Quản trị khách sạn	18.0	6.6	700	5.0
28	7340101	Quản trị kinh doanh	20.0	7.4	725	5.0
29	7340115	Marketing	20.0	7.4	725	5.0
30	7340121	Kinh doanh thương mại	19.0	7.0	700	5.0
31	7340201	Tài chính - Ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Công nghệ tài chính)	18.0	6.6	700	4.5
32	7340301	Kế toán (02 chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán)	18.0	6.6	700	4.5
33	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)	19.0	7.0	725	4.5
34	7220201	Ngôn ngữ Anh (04 chuyên ngành: Biên - phiên dịch, Tiếng Anh du lịch, Giảng dạy Tiếng Anh, Song ngữ Anh - Trung)	21.0	7.7	725	6.5
35	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản, Quản lý kinh tế)	17.0	6.3	650	4.5

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn trúng tuyển			Điểm điều kiện tiếng Anh (PT Điểm thi THPT và Điểm xét TN)
			Phương thức điểm thi THPT 2022 (Thang điểm 30)	Phương thức điểm xét TN THPT 2022 (Thang điểm 10)	Phương thức điểm thi ĐGNL của ĐHQG-HCM 2022 (Thang điểm 1200)	
36	7310105	Kinh tế phát triển	18.0	6.6	700	
Tổng 60 ngành/chuyên ngành/chương trình đào tạo						18

Ghi chú:

- Điểm điều kiện tiếng Anh là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Điểm chuẩn áp dụng như nhau cho tất cả tổ hợp xét tuyển (Phương thức Điểm thi THPT) cho mỗi ngành, chương trình đào tạo.

Ngày đăng: 09/02/2023